

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
và nợ chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Hùng
2. Ông Trần Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Đình Sơn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần T. H. A**, sinh năm 1978.

- *Bị đơn:* Anh **Cao V. Đ. B**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Bôn B, tổ 4, phường C, thị xã A, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh G– Phòng giao dịch thị xã A.

Địa chỉ: Số 68 N, phường Đ, thị xã A, G.

(Ngân hàng không đòi nợ và từ chối tham gia tố tụng)

Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2023, các bản tự khai lập vào ngày 15/3/2023, 22/5/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần T. H. A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện kết hôn năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống thời gian đầu có H P nhưng thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, đánh chửi nhau nhiều năm nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không H P và không thể tiếp tục sống chung B nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B ly hôn với anh Cao V. Đ. B.

Về con chung: Chị và anh B có 05 con chung tên là Cao T. H, sinh năm 1999; Cao T. P, sinh năm 2001; Cao T. P. C, sinh năm 2004; Cao V H, sinh ngày 16/02/2011 và Cao V T T, sinh ngày 26/9/2013. Hiện tại 03 con chung Cao T. H, Cao T. P, Cao T. P. C đã trưởng T và tự lập. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Cao V H, Cao V T T và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Năm 2018, chị A có vay Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh G– Phòng giao dịch thị xã A 20.000.000 đồng. Mục đích vay để lấy vốn làm ăn phục vụ cuộc sống gia đình, nhưng khi vay chị không báo cho anh B biết. Tuy nhiên sau đó anh B biết rõ khoản vay này và chấp nhận. Năm 2021, khoản vay này nà đến hạn, anh B đã vay bên ngoài 20.000.000 đồng để trả khoản vay này cho ngân hàng đồng thời làm hồ sơ đáo hạn vay lại 50.000.000 đồng. Khi nhận B tiền vay, anh B trả khoản vay 20.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại 28.000.000 đồng anh B giao cho chị giữ. Chị A đã dùng số tiền này mua bán hàng mỹ phẩm tên mạng để kiếm lời nhưng đã bị lừa hết số tiền 28.000.000 đồng. Nay, chị thấy rằng bản thân chị làm ăn không chắc chắn nên làm mất vốn của gia đình. Vì vậy, đối với khoản vay 50 triệu đồng này chị chấp nhận trả nợ phần nhiều hơn. Cụ thể, chị A nhận trả 39/50 triệu đồng = 78% khoản nợ và tiền lãi tương ứng tính đến ngày Ngân hàng có yêu cầu phân chia khoản nợ (Ngày 19/6/2023) là $4.665.207 \text{ đ} \times 78\% = 3.628.861$ đồng. Số tiền gốc và lãi còn lại yêu cầu Tòa án phân chia trách nhiệm trả cho anh B để Ngân hàng thuận lợi trong việc đòi nợ khi đến hạn.

Tại bản khai lập ngày 09/5/2023 và tại phiên tòa, bị đơn anh Cao V. Đ. B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn của vợ chồng như chị A đã trình bày. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường. Đến năm 2019 thì chị A đánh số đề, vay nặng lãi và bỏ đi theo người khác nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Chị A còn đánh anh gây thương tích và sau đó bỏ nhà đi. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị A trả hết khoản nợ chung cho ngân hàng.

Về con chung: Vợ chồng có năm con chung như chị A trình bày. Hai con chung chưa T niên là Cao V H và Cao V T T anh đồng ý giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị A không nuôi B thì giao con về cho anh nuôi.

Về tài sản chung: Trước các phiên hòa giải anh B khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh B khai vợ chồng có hai căn nhà và một số con bò nhưng chị A đã đánh bạc và bán hết nhà của anh vào năm 2019. Đồng thời anh B còn gửi văn bản trình báo vào năm 2020 chị A đã đánh anh gây thương tích vỡ cột sống; năm 2021 chị A đánh và cướp của anh 01 sợi dây chuyền 02 chỉ loại vàng 4 số 9. Nay anh B yêu cầu chị A chia tài sản cho anh và trả lại dây chuyền thì anh mới chấp nhận ly hôn.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch thị xã Ayun Pa 50.000.000 đồng. Số tiền này theo anh thì chị A phải trả hết, vì khoản vay đầu tiên vào năm 2018 chị A tự vay anh không biết; khoản vay đáo hạn thứ hai vào năm 2021 anh trực tiếp ký A đồng vay. Số tiền nhận về anh đã trả nợ cũ 20.000.000 đồng và lãi 2.000.000 đồng. Số còn lại 28.000.000 đồng chị A cầm tiền bỏ đi theo trai nên phải chịu trách nhiệm trả hết. Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết giao trách nhiệm cho chị A trả hết khoản nợ.

Tại văn bản lập ngày 09/5/2023, Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Ông Cao V. Đ. B và bà Trần T. H. A có vay tại Ngân hàng chính sách xã hội qua Phòng Giao dịch thị xã Ayun Pa một khoản 50 triệu đồng, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Khoản vay B giải ngân ngày 07/6/2021 thời hạn trả 10/6/2024. Nay ông B và bà A ly hôn, do khoản vay chưa đến hạn trả nên ngân hàng chưa có văn bản yêu cầu đòi nợ và từ chối tham gia tố tụng trong vụ kiện này. Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án phân chia trách nhiệm trả nợ cho hai bên trước khi hai bên chia tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần T. H. A ly hôn với anh Cao V. Đ. B.

Về con chung: Giao 02 con chung là Cao V H, sinh ngày 16/02/2011 và Cao V T T, sinh ngày 26/9/2013 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị A hàng tháng với mức là 1.500.000 đồng/tháng.

Về nợ chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu phân chia trả nợ chung của chị A. Chị A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 39.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi tương ứng tính đến ngày 19/6/2023, anh B có trách

nhiệm trả 11.000.000 đồng tiền nợ gốc cho ngân hàng khi ngân hàng có yêu cầu đòi nợ.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ. Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã B thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Trần T. H. A yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, nợ chung giữa chị và anh Cao V. Đ. B. Đây là quan hệ pháp luật B quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại Bôn Banh, tổ 4, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân A pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống của hai bên có H P thời gian đầu nhưng thời gian sau thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tự giải quyết B. Mâu thuẫn giữa hai bên đã kéo dài nhiều năm nay và ngày càng sâu sắc. Hai bên đều thừa nhận đã xảy ra xô xát nhiều lần, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến đánh chửi nhau đến mức gây thương tích nhẹ trong nhiều năm nay.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt B. Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A với anh B là có căn cứ. Việc anh B không chấp nhận ly hôn với chị A không xuất phát từ tình cảm yêu thương, và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau mà chỉ là lý do gây sức ép để buộc chị A nhận trách nhiệm trả hết nợ chung cho ngân hàng nên không có căn cứ xem xét.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Chị A có nguyện vọng B nuôi hai con chung Cao V H, Cao V T T. Các con chung cũng đều muốn ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của chị A là chính đáng, xuất phát từ trách nhiệm đối với các con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu này, giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Cao V H, Cao V T T. Chị A yêu

cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng/con. Xét yêu cầu của chị A là chính đáng, xuất phát từ quyền lợi của các con chung. Tuy nhiên hiện nay việc làm và thu nhập của anh B không ổn định nên cần xem xét lại cho phù A. Căn cứ các Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị A hằng tháng với mức 800.000 đồng/01 con là A lý. Hai con chung là 1.600.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản: Tại phiên tòa anh B đưa ra yêu chia tài sản chung nhưng chị A phản đối yêu cầu này vì chị cho rằng vợ chồng không có tài sản chung. Xét thấy yêu cầu của anh B nằm ngoài phạm vi xem xét của vụ kiện này vì trước phiên tòa, cả hai bên đều khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh B cho rằng vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu chia thì có thể khởi kiện bằng một vụ án yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

[5] Về nợ chung:

Chị A và anh B thừa nhận vợ chồng có một khoản nợ chung 50.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch thị xã Ayun Pa. Hiện tại ngân hàng từ chối tham gia tố tụng để đòi nợ vì khoản nợ chưa đến hạn trả. Chị A và anh B đều có yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ nhưng không thống nhất B mức tiền phải trả của từng người.

Xét thấy yêu cầu về phân chia trách nhiệm trả nợ của chị A là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng nhưng chị đã nhận phần trách nhiệm trả nợ nhiều hơn (78%) vì chị cho rằng bản thân chị làm ăn không chắc chắn làm thất thoát vốn của gia đình.

Xét quan điểm của anh B về việc yêu cầu Tòa án giao hết khoản nợ chung cho chị A phải trả là không có căn cứ. Bởi lẽ, mặc dù thời điểm năm 2018 chị A làm hồ sơ vay 20 triệu đồng không hỏi ý kiến của anh nhưng anh B hoàn toàn biết khoản vay này và không có ý kiến trong suốt thời gian vay. Kết quả xác minh của Tòa án còn cho thấy trong thời gian vay, anh B còn nhiều lần trực tiếp trả lãi cho tổ vay vốn. Đến năm 2021, bản thân anh B còn làm hồ sơ đáo hạn khoản vay này và trực tiếp trả 20 triệu tiền gốc này cho ngân hàng. Do vậy, anh B phải có trách nhiệm với khoản vay chung của vợ chồng. Chị A đã nhận trách nhiệm trả phần nợ lớn hơn nên anh B phải trả phần nợ còn lại là hoàn toàn A lý và có lợi cho anh. Vì vậy, căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ chung theo yêu cầu của chị A, cần giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ chung cho hai bên đối với Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

Chị A trả 39.000.000 đồng tiền gốc (Bằng 78% khoản nợ) và tiền lãi tương ứng tính đến ngày Ngân hàng có yêu cầu phân chia khoản nợ (Ngày 19/6/2023) là $4.665.207 \text{ đồng} \times 78\% = 3.628.861 \text{ đồng}$. Tổng cả gốc và lãi: 42.628.861 đồng.

Anh B trả 11.000.000 đồng tiền gốc (Bằng 22% khoản nợ) và tiền lãi tương ứng tính đến ngày Ngân hàng có yêu cầu phân chia khoản nợ (Ngày 19/6/2023) là $4.665.207 \text{ đồng} \times 22\% = 896.652 \text{ đồng}$. Tổng cả gốc và lãi: 11.896.652 đồng.

[6] Đối với nội dung anh B trình báo bị chị A đánh gây thương tích vỡ cột sống vào năm 2020; năm 2021 tiếp tục đánh và cướp của anh 01 sợi dây chuyền 02 chỉ loại vàng 4 số 9. Các nội dung này không thuộc phạm vi xem xét giải quyết của vụ kiện giải quyết việc ly hôn này nên HĐXX không xét.

[7] **Về án phí:** Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ. Chị A đã tạm nộp 300.000 đồng, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng. Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần T. H. A

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần T. H. A ly hôn với anh Cao V. Đ. B.

2. *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giao hai con chung là Cao V H, sinh ngày 16/02/2011 và Cao V T T, sinh ngày 26/9/2013 cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Cao V. Đ. B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Trần T. H. A với mức 800.000 đồng/con/tháng. Hai con chung là 1.600.000 đồng/tháng.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị A và cấp dưỡng nuôi con của anh B tính từ ngày hôm nay (28/7/2023) cho đến khi các con chung T niên hoặc đã T niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai B cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể giải quyết thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người B thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về nghĩa vụ trả nợ chung:*

Chị A và anh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch thị xã Ayun Pa khi ngân hàng có yêu cầu đòi nợ như sau:

Chị A trả 39.000.000 đồng tiền gốc (Bằng 78% khoản nợ) và tiền lãi tương ứng tính đến ngày Ngân hàng có yêu cầu phân chia khoản nợ (Ngày 19/6/2023) là $4.665.207 \text{ đ} \times 78\% = 3.628.861$ đồng. Tổng cả gốc và lãi: 42.628.861 đồng.

Anh B trả 11.000.000 đồng tiền gốc (Bằng 22% khoản nợ) và tiền lãi tương ứng tính đến ngày Ngân hàng có yêu cầu phân chia khoản nợ (Ngày 19/6/2023) là $4.665.207 \text{ đ} \times 22\% = 896.652$ đồng. Tổng cả gốc và lãi: 11.896.652 đồng.

4. *Về án phí:* Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ. Chị A đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002103 ngày 14/3/2023 của Chi cục THA dân sự. Số tiền này B trừ vào tiền án phí, còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ.

5. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/7/2023, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử P thẩm.

Trường A bản án, quyết định B thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người B thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án B thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Toàn